**Tiếng Việt**

**Bài 76: ươn, ươt (t1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết các vần **ươn, ươt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ươn, ươt.**
* Làm đúng BT giúp thỏ đem cà rốt về kho có vần **ươn,** vần **ươt.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Lướt ván.*
* Viết đúng các vần **ươn, ươt,** các tiếng (con) **lươn, lướt** (ván) (trên bảng con).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / phiếu ghi nội dung BT đọc hiểu.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **KHỞI ĐỘNG**:   1 HS đọc bài *Chuột út* (2) (bài 75). | | HS đọc |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **ươn,** vần **ươt.** | | -HS lắng nghe |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) | |  |
| * 1. Dạy vần **ươn** * HS đọc: **ươ - nờ - ươn. /** Phân tích vần **ươn. /** Đánh vần, đọc: **ươ - nờ - ươn / ươn.** * HS nói: *con lươn / lươn.* / Phân tích tiếng **lươn.** / Đánh vần, đọc: lờ - ươn - lươn / lươn. / Đánh vần, đọc trơn: ươ - nờ - ươn / lờ - ươn - lươn / con lươn.   1. Dạy vần **ươt** (như vần **ươn).**   Đánh vần, đọc trơn: ươ - tờ - ươt / lờ - ươt - lươt - sắc - lướt / lướt ván.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học là: **ươn, ươt,** 2 tiếng mới học: **lươn, lướt.** | | -HS đọc, phấn tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần |
| 1. **Luyện tập** | |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ (BT** 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng) * HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ: *vượn, trượt, vượt,...* * Từng cặp HS tìm tiếng có vần **ươn,** vần **ươt. /** 2 HS báo cáo kết quả. * Cả lớp nhắc lại: Tiếng vượn có vần **ươn.** Tiếng trượt có vần **ươt...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ươn:** Viết **ươ** rồi đến **n** (các con chữ đều cao 2 li). Chú ý viết **ươ** và **n** không xa quá hay gần quá. * Vần **ươt:** Viết **ươ** rồi đến **t** (cao 3 li). * **lươn:** viết **1** (5 li) rồi đến vần **ươn.** * **lướt:** viết **1** nối sang vần **ươt.** Dấu sắc đặt trên **ơ.**   HS viết: **ưon, ươt** (2 lần). Sau đó viết: (con) **lươn, lướt** (ván). | | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu: Lũ chuột trượt ván trên bờ. Cá chuồn, cún lướt ván trên mặt biển. Vượn ôm ván chơi gần bờ. Thỏ sợ nước, ở trên bờ cổ vũ. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **lướt ván, trượt ván, nô đùa ầm ĩ, cá chuồn, hăm hở, lướt như múa lượn, vượn, sợ ướt, cổ vũ, thú vị.** GV giải nghĩa: *hăm hở* (hăng hái, nhiệt tình). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 9 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài, chia bài làm 3 đoạn: 3/4/2 câu.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho HS đọc. * Từng cặp HS làm bài; nói kết quả, GV nối từng vế câu trên bảng lớp. * Cả lớp đồng thanh: a) Cún - 3) lướt như múa lượn. / b) Vượn - 2) chưa dám ra xa. /c,Thỏ - 1) sợ ướt, ở trên bờ. | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện | |
| 4**/Vận dụng:** Trò chơi Tìm ô chữ |  | |

**Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………